

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) thuộc dự toán mua sắm Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-

PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ Y tế về việc phê duyệt nội dung hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4083/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc phê duyệt nội dung hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3288/QĐ-BYT ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-PAS ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt dự toán hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-PAS ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-PAS ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-PAS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-PAS ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt E-HSMT cho gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Căn cứ Báo cáo E - HSDT số 02-2025/BCĐGKQATTP/670 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Tổ chuyên gia cho Gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù), bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500400489;
- Tên gói thầu: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù);
- Giá gói thầu: 1.975.921.179 VND (*Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng.*)
- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng. Xét theo từng phần của gói thầu;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

STT	Nội dung	Tên nhà thầu			
1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt	Công ty TNHH Vật tư khoa học công nghệ T&T	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam	Công ty TNHH Chanu
2	Giá đề nghị trúng thầu (đồng)	437.472.000	309.569.998	3.782.560	434.600.002
3	Số danh mục trúng thầu	18/23 danh mục chào thầu	22/50 danh mục chào thầu	05/14 danh mục chào thầu	45/70 danh mục chào thầu
4	Tổng giá trị trúng thầu	1.366.048.402 đồng			
5	Tổng giá gói thầu	1.975.921.179 VND			
6	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước – Hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh			
7	Loại hợp đồng	Trọn gói			
8	Thời gian thực hiện gói thầu	60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực			
9	Thời gian thực hiện hợp đồng	120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực			

STT	Nội dung	Tên nhà thầu			
1	Nhà thầu được đề nghị trúng thầu	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thuận Giang	Công ty TNHH Dược F.D&C	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị khoa học HTI
2	Giá đề nghị trúng thầu (đồng)	13.643.500	54.599.400	69.640.942	42.740.000
3	Số danh mục trúng thầu	04/13 danh mục chào thầu	11/18 danh mục chào thầu	09/25 danh mục chào thầu	01/08 danh mục chào thầu
4	Tổng giá trị trúng thầu	1.366.048.402 đồng			
5	Tổng giá gói thầu	1.975.921.179 VND			
6	Nguồn vốn	Ngân sách nhà nước – Hoạt động nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2025 (Nhiệm vụ đặc thù) của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh			
7	Loại hợp đồng	Trộn gói			
8	Thời gian thực hiện gói thầu	60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực			
9	Thời gian thực hiện hợp đồng	120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực			

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục I
DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ PHẦN LÔ TRÚNG THẦU

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Nam Việt Mã định danh vn0104955195

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428285	Cột Hilic dùng cho UPLC	ACQUITY UPLC BEH HILIC Column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 100 mm, 1/pk	186003461	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	29.016.000	29.016.000
2	PP2500428287	Cột sắc ký lỏng Carbon 18	ACQUITY UPLC BEH C18 Column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 100 mm, 1/pk	186002352	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	2	29.016.000	58.032.000
3	PP2500428289	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18	XBridge BEH HILIC Column, 130Å, 2.5 µm, 3 mm X 100 mm, 1/pk	186006083	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	28.346.400	28.346.400
4	PP2500428290	Cột sắc ký lỏng Carbon 18	XBridge BEH C18 Column, 130Å, 3.5 µm, 4.6 mm X 100 mm, 1/pk	186003033	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	25.965.600	25.965.600
5	PP2500428291	Cột C18 cho HPLC	Reliant C18 100Å 5µm x 4.6mm x 150mm	186007282	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	11.001.900	11.001.900
6	PP2500428292	Cột sắc ký lỏng Carbon 8	SunFire C8 Column, 100Å, 5 µm, 4.6 mm X 150 mm, 1/pk	186002737	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	24.291.600	24.291.600

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	PP2500428293	Cột sắc ký lỏng HILIC dùng cho HPLC	XBridge BEH HILIC Column, 130Å, 5 µm, 4.6 mm X 150 mm, 1/pk	186004453	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	29.062.500	29.062.500
8	PP2500428294	Cột sắc ký Phenyl-Hexyl	CORTECS Phenyl Column, 90Å, 2.7 µm, 3 mm X 100 mm, 1/pk	186008331	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	25.723.800	25.723.800
9	PP2500428295	Cột sắc ký Premier BEH C18	ACQUITY Premier BEH C18 Column, 1.7 µm, 2.1 x 100 mm, 1/pk	186009453	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	31.182.900	31.182.900
10	PP2500428296	Cột C18 cho HPLC	Reliant C18 100Å 5µm x 4.6mm x 250mm	186007283	Waters	Ireland	2024 - 2025	01 cái / hộp	cái	1	12.666.600	12.666.600
11	PP2500428343	Tiền cột bảo vệ cho cột sắc ký lỏng tương tác ưa nước	ACQUITY UPLC BEH HILIC VanGuard Pre-column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 5 mm	186003980	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	7.455.810	22.367.430
12	PP2500428344	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18	ACQUITY UPLC BEH C18 VanGuard Pre-column, 130Å, 1.7 µm, 2.1 mm X 5 mm	186003975	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	7.455.810	22.367.430

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
13	PP2500428345	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18	XBridge BEH C18 VanGuard Cartridge, 130Å, 3.5 µm, 2.1 mm X 5 mm	186007766	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	6.467.220	19.401.660
14	PP2500428346	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18	SunFire C18 VanGuard Cartridge, 100Å, 5 µm, 3.9 mm X 5 mm	186007699	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	6.553.710	19.661.130
15	PP2500428347	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18	SunFire C18 VanGuard Cartridge, 100Å, 5 µm, 3.9 mm X 5 mm	186007699	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	6.553.710	19.661.130
16	PP2500428348	Tiền cột bảo vệ cột sắc kí C18	SunFire C18 VanGuard Cartridge, 100Å, 5 µm, 3.9 mm X 5 mm	186007699	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	6.553.710	19.661.130
17	PP2500428349	Tiền cột C8	SunFire C8 VanGuard Cartridge, 100Å, 5 µm, 3.9 mm X 5 mm	186007708	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	6.553.710	19.661.130
18	PP2500428350	Tiền cột Rx-C8 UPLC	XBridge BEH C8 VanGuard Cartridge, 130Å, 5 µm, 2.1 mm X 5 mm	186007778	Waters	Ireland	2024 - 2025	03 cái / hộp	cái	3	6.467.220	19.401.660
Tổng cộng												437.472.000

2. Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Sinh học Ứng dụng Việt Nam Mã định danh: vn0105168916

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428235	Dung dịch Aceton	Acetone	1000141000	Merck	Đức	2024 trở đi	1000 ml/chai	lít	1	600.000	600.000
2	PP2500428242	Dung dịch Ethanol	Dung dịch Ethanol	1009831000	Merck	Đức	2024 trở đi	1000 ml/chai	lít	1	1.000.000	1.000.000
3	PP2500428244	Dung dịch NH ₄ OH	Dung dịch NH ₄ OH	1054321011	Merck	Đức	2024 trở đi	1000 ml/chai	ml	2.000	600	1.200.000
4	PP2500428297	Đầu côn có lọc 10 µl	Đầu côn có lọc 10 µl	TYM-10	Nantong	Trung Quốc	2024 trở đi	96 cái/hộp	cái	96	860	82.560
5	PP2500428311	Găng tay cao su không bột	Găng tay cao su không bột	KHPFEX	Vglove (VRG Khải Hoàn)	Việt Nam	2024 trở đi	50 đôi/hộp	đôi	500	1.800	900.000
Tổng cộng												3.782.560

3. Công ty TNHH Chanu Mã định danh: vn0314029345

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428218	Dung dịch Acid Formic	Formic acid 98-100% for analysis emsure	1002641000	Merck	Phân Lan	2023-2025	1L/chai	lít	2	1.539.000	3.078.000
2	PP2500428236	Dung dịch Acetonitril	Acetonitrile	9017-P04	JT Baker	Ấn Độ	2024-2025	4L/chai	lít	40	207.252	8.290.080
3	PP2500428237	Dung dịch Acid acetic	Acetic Acid	RP1002-G1L	Labsca n	Thái Lan	2024-2025	1L/chai	ml	3.000	518	1.554.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	PP2500428238	Dung dịch Acid Formic	Formic Acid, 98-100%, For Analysis	F/1900/PB15	Fisher	Đức	2024-2025	1L/chai	ml	1.000	1.015	1.015.000
5	PP2500428239	Dung dịch Acid HCL đậm đặc	Hydrochloric acid 37%	AR1107-G1L	Labsca n	Thái Lan	2024-2025	1L/chai	lít	4	421.848	1.687.392
6	PP2500428241	Dung dịch Acid sulfuric H2SO4	Sulfuric acid 98%	AR1193-G1L	Labsca n	Thái Lan	2024-2025	1L/chai	ml	3.000	486	1.458.000
7	PP2500428245	Hóa chất acid ascorbic	L-Ascorbic acid, Hi-AR™/ACS	CMS1014-100G	Himedi a	Ấn Độ	2024-2025	100g/chai	gram	300	7.690	2.307.000
8	PP2500428247	Hóa chất Ammonium acetate	Ammonium acetate, Hi-AR™	GRM295-500g	Himedi a	Ấn Độ	2024-2025	500g/chai	gram	1.000	1.825	1.825.000
9	PP2500428249	Hóa chất KH2PO4	Potassium dihydrogen orthophosphate monobasic, AR/ACS	GRM3943-500G	Himedi a	Ấn Độ	2024-2025	500g/chai	gram	500	3.056	1.528.000
10	PP2500428251	Hóa chất Potassium iodide	Potassium Iodide, For Analysis	P/5880/53	Fisher	Ấn Độ	2024-2025	500g/chai	gram	500	7.085	3.542.500
11	PP2500428253	Hóa chất Sodium chloride	Sodium chloride 99,5% AR	AR1167-P1KG	Labsca n	Thái Lan	2024-2025	1kg/chai	gram	2.000	702	1.404.000
12	PP2500428261	Cồn y tế 70 độ	Cồn y tế 70 độ	Không có code	Lê Gia	Việt Nam	2025	30L/can	lít	150	29.063	4.359.450
13	PP2500428264	Môi trường Brilliant green agar	Brilliant Green Agar Base,	M016-500G	Himedi a	Ấn Độ	2024-2025	500g/chai	gram	1.000	2.527	2.527.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Modified									
14	PP2500428265	Môi trường MYP agar	Phenol Red Egg Yolk Polymyxin Agar Base	M636-500G	Himedi a	Ấn Độ	2024-2025	500g/chai	gram	1.000	3.283	3.283.000
15	PP2500428271	Môi trường XLD Agar	Xylose Lysine Deoxycholate (XLD) Agar (ISO)	NCM0021A	Neogen	Anh	2024-2025	500g/chai	gram	1.000	3.888	3.888.000
16	PP2500428274	Bình định mức 100ml	Bình định mức trắng USP nắp nhựa 100 ML-NS 14/23- Class A	BLS.U.1206	Biohall	Ấn Độ	2024-2025	cái	cái	2	117.266	234.532
17	PP2500428275	Bình định mức 2000ml	Bình định mức trắng USP nắp nhựa 2000 ML-NS 29/32- Class A	BLS.U.1211	Biohall	Ấn Độ	2024-2025	cái	cái	2	705.024	1.410.048
18	PP2500428278	Bình tam giác 125ml	Bình tam giác 125ml	2064140/4A	Biohall	Ấn Độ	2023-2025	cái	cái	20	46.656	933.120
19	PP2500428281	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	Cốc đốt thủy tinh thấp thành 250ML, khắc vạch trắng	2060420/7	Arco	Ấn Độ	2024-2026	cái	cái	5	36.936	184.680

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
20	PP2500428288	Cột sắc ký lông Carbon 18	XBridge BEH C18 Column, 130Å, 5 µm, 3 mm X 250 mm, 1/pk	186003133	Waters	Ireland	2023-2025	cái	cái	1	30.348.000	30.348.000
21	PP2500428302	Đèn EDL rỗng cho nguyên tố As	Arsenic (As) System 2 Electrodeless Discharge Lamp	N3050605	Perkin Elmer	Mỹ	2023-2025	cái	cái	1	46.764.000	46.764.000
22	PP2500428303	Đèn EDL rỗng cho nguyên tố Hg	Mercury (Hg) System 2 Electrodeless Discharge Lamp	N3050634	Perkin Elmer	Mỹ	2023-2025	cái	cái	1	46.116.000	46.116.000
23	PP2500428304	Đèn HCL cho nguyên tố Cd	Cadmium (Cd) Lumina Hollow Cathode Lamp	N3050115	Perkin Elmer	Mỹ	2023-2025	cái	cái	1	32.508.000	32.508.000
24	PP2500428305	Đèn HCL cho nguyên tố Cu	Copper (Cu) Lumina Hollow Cathode Lamp	N3050121	Perkin Elmer	Mỹ	2023-2025	cái	cái	1	26.244.000	26.244.000
25	PP2500428306	Đèn HCL cho nguyên tố Fe	Iron (Fe) Lumina Hollow Cathode	N3050126	Perkin Elmer	Mỹ	2023-2025	cái	cái	1	26.244.000	26.244.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Lamp									
26	PP2500428307	Đèn HCL cho nguyên tố Mn	Manganese (Mn) Lumina Hollow Cathode Lamp	N3050145	Perkin Elmer	Mỹ	2023-2025	cái	cái	1	31.320.000	31.320.000
27	PP2500428308	Đèn HCL cho nguyên tố Pb	Lead (Pb) Lumina Hollow Cathode Lamp	N3050157	Perkin Elmer	Mỹ	2023-2025	cái	cái	1	37.152.000	37.152.000
28	PP2500428310	Găng tay cao su có bột	Găng tay cao su có bột nhãn Medisafe	Không có code	Medisafe/HTC	Việt Nam	2025	50 đôi/hộp	đôi	100	1.596	159.600
29	PP2500428312	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Giấy lọc định tính 90mm, nhanh 101	101-090	Newstar	Trung Quốc	2024-2025	100 tờ/hộp	cái	1.000	713	713.000
30	PP2500428313	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	Giấy lọc định tính 110mm, nhanh 101	101-110	Newstar	Trung Quốc	2024-2025	100 tờ/hộp	cái	1.000	810	810.000
31	PP2500428315	Giấy lọc đường kính 47mm, kích thước lỗ 0,45µm	Sterile CN Gridded Membrane Filter 47mm, 0.45µm	FBM047CN04 5GS	Filter Bio	Trung Quốc	2024-2025	200 tờ/hộp	cái	400	6.394	2.557.600
32	PP2500428316	Cuộn Parafilm	Cuộn Parafilm	PM996	Amcor	Mỹ	2024-2025	cái	cái	5	683.424	3.417.120
33	PP2500428320	Bơm kim	Bơm kim	Không có code	Tanaph	Việt	2025	100	cây	1.000	777	777.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		tiêm 5ml	tiêm 5ml		ar	Nam		câyhộp				
34	PP2500428321	Micropipet 1 kênh 100µl	Micropipet hấp tiết trùng 1kênh có khóa clock 10 - 100ul	LHP3-V10	Phoenix Instrum ent	Trung Quốc	2024-2025	cái	cái	3	2.268.000	6.804.000
35	PP2500428322	Micropippet một kênh 1.000µl	Micropipet hấp tiết trùng 1kênh có khóa clock 100 - 1000ul	LHP3-V100	Phoenix Instrum ent	Trung Quốc	2024-2025	cái	cái	3	2.268.000	6.804.000
36	PP2500428329	Nước cất siêu sạch	Nước cất siêu sạch	Không có code	Việt Nam	Việt Nam	2025	25L/can	lít	1.500	17.280	25.920.000
37	PP2500428330	Ống đóng thủy tinh 1000 ml	Ống đóng thủy tinh 1000 ml	BLS.H.167	Biohall	Ấn Độ	2024-2025	cái	cái	2	534.600	1.069.200
38	PP2500428337	Ống nghiệm thủy tinh, đường kính 16 mm, dài 125 mm	Ống nghiệm tròn F16 X 125MM-15 ML	BLS.WR.08	Biohall	Ấn Độ	2024-2025	cái	cái	200	7.992	1.598.400
39	PP2500428340	Pipet bầu thủy tinh 10mL	Pipet bầu 1 vạch 10ml	BLS.VP.179	Biohall	Ấn Độ	2024-2025	cái	cái	20	58.212	1.164.240
40	PP2500428341	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	Pipet bầu 1vạch 5ML,Class A	BLS.VP.174	Biohall	Ấn Độ	2024-2025	cái	cái	10	51.408	514.080
41	PP2500428342	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	Pipet thẳng chia vạch 5 ML	BLS.1700.08	Biohall	Ấn Độ	2024-2025	cái	cái	210	41.256	8.663.760

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
42	PP2500428355	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	PD0006	Mida	Việt Nam	2024-2025	500 cái/thùng	cái	2.000	1.512	3.024.000
43	PP2500428356	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	PD0004	Mida	Việt Nam	2024-2025	500 cái/thùng	cái	4.000	1.890	7.560.000
44	PP2500428358	Giá đỡ micropipet đứng 6 vị trí	Giá Micropipet ngang	LHP-PS02	Phoenix Instrument	Trung Quốc	2024-2025	cái	cái	4	885.600	3.542.400
45	PP2500428360	Phễu lọc nhựa vô trùng 250ml	MICROFIL 250 ML HAWG + S-PAK, Q150	MIHAWG250	Merck	Pháp	2024-2025	150 cái/hộp	cái	450	85.104	38.296.800
Tổng cộng												434.600.002

4. Công ty TNHH Dược F.D&C**Mã định danh: vn0301750824**

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428280	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	4000-0100	Citotest	Trung Quốc	2023 đến 2025	12 cái/ hộp, 192 cái/ thùng	cái	5	21.600	108.000
2	PP2500428283	Cột chiết pha rắn	Copure® HLB SPE 60mg/3mL	COHLB36 0C1	Biocomma	Trung Quốc	2024 đến nay	hộp/ 50 cái	cái	300	54.432	16.329.600
3	PP2500428284	Cột chiết tách sắc ký SCX	Copure® SCX SPE 60mg/3mL	COSCX360 C1	Biocomma	Trung Quốc	2024 đến nay	hộp/ 50 cái	cái	300	59.400	17.820.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	PP2500428314	Giấy lọc đường kính 47 mm, lỗ lọc 0,45 µm	Màng lọc 47mm CA Membrane 0.45um	C0000876	Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	hộp 100 cái	cái	2.000	2.808	5.616.000
5	PP2500428326	Nắp vận vail Headspace + VÁCH SEPTA PTFE/SILICON	Nắp 18mm silver color open top metal cap with 17.5mm blue PTFE/Silicone septa 1.5mm thick	C0000208	Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	hộp/100 cái	cái	200	5.346	1.069.200
6	PP2500428327	Nắp vận xanh có lỗ cho chai 1,5ml	Nắp vận màu xanh blue 9-425 open top ribbed screw cap with 9mm red PTFE/ white silicone septa 1mm thick Nắp vận có lỗ không xẻ rãnh sử dụng cho chai 1.5ml	C0000143	Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	gói/100 cái	cái	2.500	1.350	3.375.000
7	PP2500428338	Phin lọc 0,45µm, đường kính 13 mm	Đầu lọc sterile 13mm PTFE hydrophobic syringe filter 0.45um with outer ring	C0000533	Labfil-Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	hộp/100 cái	cái	600	6.264	3.758.400
8	PP2500428339	Phin lọc 0,22µm, đường kính 13 mm	Đầu lọc sterile 13mm PTFE hydrophobic	C0000532	Labfil-Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	hộp/100 cái	cái	600	6.264	3.758.400

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			syring filter 0.22um with outer ring									
9	PP2500428351	Chai thủy tinh nâu (vial) có nắp 2ml	Chai: 2ml amber glass vial 12x32 mm flat base 9-425 screw thread vial Nắp: blue 9-425 open top ribbed screw cap with 9mm red PTFE/ white silicone septa 1mm thick	Chai C00000111+ Nắp C0000143	Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	Chai: (hộp/100 cái)+ Nắp (gói/100 cái)	cái	300	2.970	891.000
10	PP2500428352	Chai thủy tinh trắng (vial) có nắp 2ml	Chai: 2ml clear glass vial 12x32 mm flat base 9-425 screw thread vial Nắp: blue 9-425 open top ribbed screw cap with 9mm red PTFE/ white silicone septa 1mm thick	Chai C00000008 + Nắp C0000143	Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	Chai : hộp 100 cái+ Nắp: gói/100 cái	cái	500	2.970	1.485.000
11	PP2500428353	Chai thủy tinh Headspace nắp vặn 20 ml	20ml clear glass screw headspace vial 22.5x 75mm	C0000030	Alwsci	Trung Quốc	2024 đến nay	hộp/ 100 cái	cái	100	3.888	388.800
Tổng cộng												54.599.400

5. Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Vietlab**Mã định danh: vn0102800460**

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428260	Chủng vi khuẩn chuẩn đòi F2	Chủng vi khuẩn NCTC	70xxx	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	5 viên/hộp	bộ	7	4.595.682	32.169.774
2	PP2500428269	MUP Selective Supplement	Môi trường MUP Selective Supplement	81101	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	10 lọ/hộp	hộp	2	6.838.377	13.676.754
3	PP2500428272	Que thử Oxydase	Chất thử OXIDASE TEST STICK	88029	Liofilchem	Italy	2024 trở đi	50 tests/hộp	que	50	22.407	1.120.350
4	PP2500428299	Đầu côn không lọc có khóa 1000 µl	Dụng cụ hút/lấy/xử lý mẫu Pipette Tips Graduated Universal 1000ul	BN0332	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	cái	5.000	147	735.000
5	PP2500428300	Đầu côn không lọc có khóa 200 µl	Dụng cụ hút/lấy/xử lý mẫu Pipette Tips Graduated Universal 200ul	BN0331	Jiangsu Benoy	Trung Quốc	2024 trở đi	1000 cái/túi	cái	3.000	116	348.000
6	PP2500428323	Micropipet một kênh 5.000µl	Dụng cụ Variable Volume Micropipette 500-5000µl	SVA-905	Accumax	Ấn Độ	2024 trở đi	Cái	cái	3	3.056.844	9.170.532

6. Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị khoa học HTI Mã định danh: vn0110515717

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428301	Đèn catot rỗng đa nguyên tố	Đèn catot rỗng đa nguyên tố	N3050218	Perkin Elmer	Singapore	2025	cái	cái	1	42.740.000	42.740.000
Tổng cộng												42.740.000

7. Công ty TNHH Vật tư khoa học công nghệ T&T Mã định danh: vn0107020961

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428220	Chuẩn Bethamethason	Betamethasone	CCAD300087- 200mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 200mg	mg	200	15.680	3.136.000
2	PP2500428222	Chuẩn Curcumin	Curcumin	CWLT600140- 500mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 500mg	mg	500	3.916	1.958.000
3	PP2500428223	Chuẩn Cyproheptadine	Cyproheptadine Hydrochloride Sesquihydrate	CCAD300732- 100mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 100mg	mg	200	20.150	4.030.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	PP2500428224	Chuẩn Deoxynivalenol (DON)	Deoxynivalenol (100 µg/mL)	STD#3102	Pribolab	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 10mL	ml	10	1.375.600	13.756.000
5	PP2500428225	Chuẩn Fumonisin mix	Fumonisin B1,B2 (100 ug/mL)in Acetonitrile/Water	STD#2015	Pribolab	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 10mL	ml	10	3.028.900	30.289.000
6	PP2500428226	Chuẩn Glucosamin	D-Glucosamine Hydrochloride	CCFD200326-250mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 250mg	mg	250	5.688	1.422.000
7	PP2500428227	Chuẩn Ochratoxin A	Ochratoxin A	MSS1020	Pribolab	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 10mg	mg	20	1.670.700	33.414.000
8	PP2500428228	Chuẩn Patulin	Patulin (25 µg/mL) in Acetonitrile	STD#6011	Pribolab	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 10mL	ml	10	906.700	9.067.000
9	PP2500428229	Chuẩn Piroxicam	Piroxicam	CCAD300926-100mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 100mg	mg	200	15.800	3.160.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
10	PP2500428230	Chuẩn Prednisolon	Hydrocortisone EP Impurity A	C4X-14011-200mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 200mg	mg	200	12.470	2.494.000
11	PP2500428232	Chuẩn Sildenafil	Sildenafil	CCAD300744-100mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 100mg	mg	100	16.870	1.687.000
12	PP2500428233	Chuẩn Tadalafil	Tadalafil	C4X-1087-100mg	CATO	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 100mg	mg	100	34.280	3.428.000
13	PP2500428234	Chuẩn Zearalenone	Zearalenone (25 µg/mL)	STD#4011	Pribolab	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 10mL	ml	10	614.500	6.145.000
14	PP2500428252	Hóa chất Sodium carbonate	Sodium Carbonate Anhydrous, Slr, Extra Pure	S/2880/60	Thermo Fisher	Tây Ban Nha	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Chai 1kg	gram	1.000	1.534	1.534.000
15	PP2500428256	Nội Chuẩn Aflatoxin M1 C13	[13C17]-Aflatoxin M1-0.5 µg/mL-Acetonitrile	STD#1091U	Pribolab	Trung Quốc	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Lọ 1.2mL	ml	6	21.083.333	126.499.998

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
16	PP2500428257	Ống chuẩn Acid Oxalic	Oxalic acid solution $c(C_2H_2O_4) = 0.05 \text{ mol/l (0.1 N)}$, concentrate for preparing 1000 mL volumetric solution for titration, Titrisol®	1099650001	Merck/Sigma	Đức	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Ống	ống	3	2.017.000	6.051.000
17	PP2500428258	Ống chuẩn NaOH 0,1N	Sodium hydroxide solution for 1000 ml, $c(NaOH) = 0.1 \text{ mol/l (0.1 N)}$ Titrisol®	1099590001	Merck/Sigma	Đức	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Ống	ống	8	920.000	7.360.000
18	PP2500428259	Chất bổ sung Egg Yolk emulsion	Egg Yolk Emulsion	FD045L-50MLX5VL	Himedia	Ấn Độ	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Hộp 5 chai 50ml	ml	2.000	8.312	16.624.000
19	PP2500428262	Môi trường Chromocult Coliform Agar(CCA)	Chromocult® Coliform Agar	1104260500	Merck/Sigma	Đức	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Chai 500g	gram	1.500	20.494	30.741.000
20	PP2500428263	Môi trường Acetamic broth	Acetamide Broth (Twin Pack)	M148I-500G	Himedia	Ấn Độ	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Chai 500g	gram	1.000	3.184	3.184.000

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
21	PP2500428266	Môi trường Slanetz-Bartley có TTC	Slanetz and Bartley Medium	M612-500G	Himedia	Ấn Độ	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Chai 500g	gram	500	3.630	1.815.000
22	PP2500428267	Môi trường Iron Sulfite Agar	Iron Sulphite Agar Modified	M1852I-500G	Himedia	Ấn Độ	Năm sản xuất đáp ứng yêu cầu	Chai 500g	gram	500	3.550	1.775.000
Tổng cộng												309.569.998

8. Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thuận Giang

Mã định danh: vn0312315968

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	PP2500428298	Đầu côn có lọc 1000 µl	Đầu côn có lọc 1000 µl	124P-1000S	Fukea Kasei	Nhật Bản	2021	Hộp/96 cái	cái	960	1.100	1.056.000
2	PP2500428311	Găng tay cao su không bột	Găng tay cao su y tế khám bệnh Latex không bột	Không	HTC Glove	Việt Nam	2025	Hộp/100 chiếc	đôi	500	1.800	900.000
3	PP2500428318	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp	Không	Tanaphar	Việt Nam	2025	Hộp/50 Cái	cái	750	650	487.500
4	PP2500428357	Găng tay phẫu thuật vô trùng	Găng tay phẫu thuật vô trùng	KHPPSS	Vglove	Việt Nam	2025	Gói /2 cái	cái	4.000	2.800	11.200.000
Tổng cộng												13.643.500

Phụ lục II**DANH SÁCH NHÀ THẦU, PHẦN LÔ KHÔNG TRÚNG THẦU VÀ LÝ DO KHÔNG ĐÁP ỨNG**

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
PP2500428218	Dung dịch Acid Formic	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428219	Chuẩn Aflatoxin M1	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428231	Chuẩn Sibutramin	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428235	Dung dịch Aceton	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428237	Dung dịch Acid acetic	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428237	Dung dịch Acid acetic	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428238	Dung dịch Acid Formic	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428239	Dung dịch Acid HCL đậm đặc	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428241	Dung dịch Acid sulfuric H2SO4	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428242	Dung dịch Ethanol	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428244	Dung dịch NH4OH	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428245	Hóa chất acid ascorbic	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428245	Hóa chất acid ascorbic	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428246	Hóa chất Acid	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
	metaphosphoric	CÔNG NGHỆ T&T		
PP2500428246	Hóa chất Acid metaphosphoric	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428247	Hóa chất Ammonium acetate	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428247	Hóa chất Ammonium acetate	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428248	Hóa chất Dicloromethan	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428249	Hóa chất KH ₂ PO ₄	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428251	Hóa chất Potassium iodide	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428252	Hóa chất Sodium carbonate	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428253	Hóa chất Sodium chloride	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428254	Hóa chất Sodium hydroxide	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428254	Hóa chất Sodium hydroxide	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428257	Ống chuẩn Acid Oxalic	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428258	Ống chuẩn NaOH 0,1N	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428259	Chất bổ sung Egg Yolk emulsion	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428261	Cồn y tế 70 độ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428264	Môi trường Brilliant	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
	green agar	CÔNG NGHỆ T&T		thấp nhất
PP2500428264	Môi trường Brilliant green agar	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428265	Môi trường MYP agar	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428265	Môi trường MYP agar	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428266	Môi trường Slanetz-Bartley có TTC	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428266	Môi trường Slanetz-Bartley có TTC	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428267	Môi trường Iron Sulfite Agar	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428269	MUP Selective Supplement	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428271	Môi trường XLD Agar	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428279	Bình tam giác 250ml	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428282	Cột ái lực miễn dịch phân tích đồng thời aflatoxin, ochratoxin	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ NAM VIỆT	Không trúng thầu	Vượt giá kế hoạch
PP2500428283	Cột chiết pha rắn	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ NAM VIỆT	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428283	Cột chiết pha rắn	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428284	Cột chiết tách sắc ký SCX	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ NAM VIỆT	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428284	Cột chiết tách sắc ký SCX	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428285	Cột Hilic dùng cho	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
	UPLC			thấp nhất
PP2500428286	Cột C8	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428286	Cột C8	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ NAM VIỆT	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428287	Cột sắc ký lỏng Carbon 18	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428288	Cột sắc ký lỏng Carbon 18	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ NAM VIỆT	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428289	Cột sắc ký lỏng Cacbon 18	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428290	Cột sắc ký lỏng Carbon 18	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428292	Cột sắc ký lỏng Carbon 8	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428293	Cột sắc ký lỏng Hilic dùng cho HPLC	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428294	Cột sắc ký Phenyl-Hexyl	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428295	Cột sắc ký Premier BEH C18	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428297	Đầu côn có lọc 10 µl	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428297	Đầu côn có lọc 10 µl	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428298	Đầu côn có lọc 1000 µl	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428298	Đầu côn có lọc 1000 µl	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428299	Đầu côn không lọc có khía 1000 µl	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
PP2500428300	Đầu côn không lọc có khóa 200 µl	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428300	Đầu côn không lọc có khóa 200 µl	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428301	Đèn catot rỗng đa nguyên tố	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428301	Đèn catot rỗng đa nguyên tố	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428302	Đèn EDL rỗng cho nguyên tố As	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ KHOA HỌC HTI	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428303	Đèn EDL rỗng cho nguyên tố Hg	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ KHOA HỌC HTI	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428304	Đèn HCL cho nguyên tố Cd	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ KHOA HỌC HTI	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428304	Đèn HCL cho nguyên tố Cd	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428305	Đèn HCL cho nguyên tố Cu	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ KHOA HỌC HTI	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428305	Đèn HCL cho nguyên tố Cu	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428306	Đèn HCL cho nguyên tố Fe	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ KHOA HỌC HTI	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428306	Đèn HCL cho nguyên tố Fe	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428307	Đèn HCL cho nguyên tố Mn	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ KHOA HỌC HTI	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428307	Đèn HCL cho nguyên tố Mn	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428308	Đèn HCL cho nguyên tố Pb	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ KHOA HỌC HTI	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
PP2500428308	Đèn HCL cho nguyên tố Pb	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ T&T	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428310	Găng tay cao su có bột	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428310	Găng tay cao su có bột	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428311	Găng tay cao su không bột	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428314	Giấy lọc đường kính 47 mm, lỗ lọc 0,45 μ m	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428315	Giấy lọc đường kính 47mm, kích thước lỗ 0,45 μ m	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428315	Giấy lọc đường kính 47mm, kích thước lỗ 0,45 μ m	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428318	Khẩu trang y tế 4 lớp	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428320	Bơm kim tiêm 5ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428321	Micropipet 1 kênh 100 μ l	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428322	Micropipet một kênh 1.000 μ l	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428323	Micropipet một kênh 5.000 μ l	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428324	Micropipet một kênh 10.000 μ l	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428327	Nắp vắn xanh có lỗ cho chai 1,5ml	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
PP2500428331	Ống ly tâm 15ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428331	Ống ly tâm 15ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428332	Ống ly tâm 50 ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC F.D & C	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428332	Ống ly tâm 50 ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428338	Phin lọc 0,45μm, đường kính 13 mm	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428338	Phin lọc 0,45μm, đường kính 13 mm	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428339	Phin lọc 0,22μm, đường kính 13 mm	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428339	Phin lọc 0,22μm, đường kính 13 mm	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428340	Pipet bầu thủy tinh 10mL	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428341	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428342	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 5 mL	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT
PP2500428351	Chai thủy tinh nâu (vial) có nắp 2ml	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428352	Chai thủy tinh trắng (vial) có nắp 2ml	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428355	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428356	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất

Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Kết quả	Lý do không đáp ứng
PP2500428357	Găng tay phẫu thuật vô trùng	CÔNG TY TNHH CHANU	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428357	Găng tay phẫu thuật vô trùng	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428358	Giá đỡ micropipet đứng 6 vị trí	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật VIETLAB	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428360	Phễu lọc nhựa vô trùng 250ml	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VITECH	Không trúng thầu	Không được xét là nhà thầu có giá chào thấp nhất
PP2500428361	Pipett thủy tinh thẳng chia vạch 2 ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	Không trúng thầu	Không đáp ứng YCKT